

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Hà

2. Ông Trần Kim Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mã Thị Oanh là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm 2000

Thường trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà N có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàn T, sinh năm 1986

Thường trú tại: Số F, đường B, tổ dân phố C, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 3 năm 2024, ngày 10 tháng 4 năm 2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Bích N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/8/2019 và có tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 7 năm 2023 bà N có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nhưng bà N đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm và Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án nhưng cho đến nay vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng. Nay bà Phạm Thị Bích N nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà Phạm Thị Bích N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàn T.

- Về con chung: Trước khi đăng ký kết hôn bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T sinh được 01 con chung là Nguyễn Nhân Hiền T1, sinh ngày 05/7/2019. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T không sinh thêm được con chung nào. Hiện nay con chung Nguyễn Nhân Hiền T1 đang ở với ông T. Ông T có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung, bà N có thu nhập đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung. Khi ly hôn bà Phạm Thị Bích N đồng ý giao cho ông Nguyễn Hoàn T được nuôi dưỡng một con chung là Nguyễn Nhân Hiền T1, sinh ngày 05/7/2019 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên và bà Phạm Thị Bích N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nhân Hiền T1, sinh ngày 05/7/2019 định kỳ hằng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích N trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích N trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra bà Phạm Thị Bích N không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Nguyễn Hoàn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của bị đơn ông Nguyễn Hoàn T.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hoà giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng đã có bài phát biểu đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Bài phát biểu đã đánh giá Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Phạm Thị Bích N chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Hoàn T không chấp hành đúng quy định tại các

Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Bích N** cho bà **Phạm Thị Bích N** được ly hôn với ông **Nguyễn Hoàn T**, về con chung đề nghị giao con chung là **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 cho ông **Nguyễn Hoàn T** nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung bà **Phạm Thị Bích N** phải cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 hàng tháng mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, về án phí bà **Phạm Thị Bích N** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà **Phạm Thị Bích N** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông **Nguyễn Hoàn T**, bị đơn ông **Nguyễn Hoàn T** có nơi cư trú tại **số F, đường B, tổ dân phố C, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông **Nguyễn Hoàn T** là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà **Phạm Thị Bích N** và ông **Nguyễn Hoàn T** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 16/8/2019 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà **N** và ông **T** là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà **Phạm Thị Bích N** trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng. Từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 7 năm 2023 bà **N** có nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng nhưng bà **N** đã rút đơn ly hôn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm và Tòa án đã quyết định đình chỉ vụ án nhưng cho đến nay vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng. Nay bà **Phạm Thị Bích N** nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân thời gian dài không ai quan tâm đến ai nên bà **Phạm Thị Bích N** yêu

cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàn T. Căn cứ vào quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng thì thấy rằng ngày 12/7/2023 Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Bích N và bị đơn ông Nguyễn Hoàn T vì người khởi kiện rút đơn khởi kiện. Như vậy, sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn thì bà N đã tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Bị đơn ông Nguyễn Hoàn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng bị đơn không đến và cũng không cho biết ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã không còn mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững. Căn cứ biên bản xác minh ngày 21/6/2024 của Tòa án tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T thì qua nắm bắt thông tin từ một số hội viên được biết ông T và bà N không sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của bà N về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng với thực tế.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông T không đạt được, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Bích N, cho bà Phạm Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Hoàn T là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Bích N trình bày trước khi đăng ký kết hôn bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T sinh được 01 con chung là Nguyễn Nhân Hiền T1, sinh ngày 05/7/2019. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T không sinh thêm được con chung nào. Khi ly hôn bà Phạm Thị Bích N đồng ý giao cho ông Nguyễn Hoàn T được nuôi dưỡng một con chung là Nguyễn Nhân Hiền T1, sinh ngày 05/7/2019 cho đến khi con chung đến tuổi thành niên

Tại bản sao giấy khai sinh số 42/GKS-BS ngày 25/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thể hiện họ chữ đệm tên Nguyễn Nhân Hiền T1, ngày tháng năm sinh 05/7/2019, họ chữ đệm tên người mẹ Phạm Thị Bích N, năm sinh 13/5/2000, họ chữ đệm tên người cha Nguyễn Hoàn T, năm sinh 10/11/1986. Con là Nguyễn Nhân Hiền T1, ngày tháng năm sinh 05/7/2019 sinh trước ngày đăng ký kết hôn ngày 16/8/2019 nhưng được bà N và ông T thừa nhận là con chung của bà N và ông T nên căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình xác định Nguyễn Nhân Hiền T1, ngày tháng năm sinh 05/7/2019 là con chung của bà Phạm Thị Bích N và ông Nguyễn Hoàn T.

Xét thấy hiện nay con chung Nguyễn Nhân Hiền T1 đang ở với ông T vẫn phát triển tốt, con chung còn nhỏ nhưng là con trai, còn ông Nguyễn Hoàn T không có ý kiến, nguyện vọng gì về con chung. Bà N đồng ý giao cho ông Nguyễn Hoàn T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhân Hiền T1. Ông T có

chỗ ở hợp pháp và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con chung là **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 cho ông **Nguyễn Hoàn T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà **Phạm Thị Bích N** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 định kỳ hằng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Xét thấy bà **Phạm Thị Bích N** là mẹ và không sống chung với con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1** chưa thành niên nên căn cứ vào Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà **Phạm Thị Bích N** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1** là đúng quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng bà **Phạm Thị Bích N** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 định kỳ hằng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đến tuổi thành niên thì thấy rằng: Căn cứ nhu cầu thiết yếu của con chung về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của con chung, bà **N** có thu nhập đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung, bà **N** đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nên bà **N** có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Bích N** về cấp dưỡng nuôi con chung, buộc bà **Phạm Thị Bích N** phải cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 định kỳ hằng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế, góp phần đảm bảo cuộc sống và sự phát triển của con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà **Phạm Thị Bích N** trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là đúng pháp luật.

[6] Về nợ chung: Bà **Phạm Thị Bích N** trình bày vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà **Phạm Thị Bích N** khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bà **Phạm Thị Bích N** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên bà **Phạm Thị Bích N** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, khoản 1 Điều 88, Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị Bích N** đối với ông **Nguyễn Hoàn T** về việc tranh chấp ly hôn.

Cho bà **Phạm Thị Bích N** được ly hôn với ông **Nguyễn Hoàn T**.

2. Về con chung:

Giao một con chung là **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 cho ông **Nguyễn Hoàn T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Bà **Phạm Thị Bích N** phải cấp dưỡng nuôi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1**, sinh ngày 05/7/2019 định kỳ hằng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung **Nguyễn Nhân Hiền T1** đến tuổi thành niên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà **Phạm Thị Bích N** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà **Phạm Thị Bích N** đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên liên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007448 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà **Phạm Thị Bích N** còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 01/8/2024); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự, các Điều 7 và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đa Huoai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
ĐÃ KÝ**

Đinh Xuân Trường